TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 01 - 2025
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Sái Đức Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thu Trang; Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên: Bà Hoàng Thị Diệu Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 533/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2024; theo quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-DS, ngày 07 tháng 01 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị L, sinh năm 1984

Địa chỉ: xóm Q, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

(Có mặt)

Bị đơn: Anh Bạch Đức H, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ 5, phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

(Vắng mặt lần thứ 02 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày như sau:

- Nguyên đơn chị L trình bày: Chị và anh H có đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên ngày 06/02/2018. Sau khi kết hôn vì lý do công việc nên mỗi người ở một nơi khác, tình cảm vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn do anh H ghen

tuông vô cớ, dẫn đến hay cãi chửi nhau, xảy ra xô sát, đỉnh điểm ngày 30/4/2024, kể từ đó vợ chồng không ai quan tâm gì đến nhau nữa. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H:

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

- Về phía bị đơn anh H trình bày tại biên bản lấy lời khai như sau:

Anh và chị L được tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện tuy nhiên chưa đăng ký kết hôn do khoảng năm 2020 anh và chị L có lên phường C để đăng ký kết hôn tuy nhiên Giấy chứng minh nhân dân của anh hết hạn nên không làm được thủ tục đăng ký kết hôn. Đối với trích lục kết hôn do chị L giao nộp anh có ý kiến đề nghị Toà án xác minh tại UBND phường vì anh không nắm rõ thủ tục. Sau khi làm thủ tục vợ chồng anh chị không ở cùng nhau do chị L đi làm công ty, chỉ thi thoảng gọi điện cho nhau, anh xác định có mâu thuẫn xảy ra do chị L bất đồng quan điểm với anh, từ tháng 4 đến nay anh chị không liên lạc không quan tâm đến nhau. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nếu Toà án xác minh anh với chị L có đăng ký kết hôn thì anh nhất trí ly hôn. Ngoài ra anh H, chị L không có con chung, tài sản chung, nợ chung.

Toà án nhân dân thành phố T đã tiến hành xác minh về việc chị L và anh H có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật hay không. Kết quả xác minh chị L và anh H có làm thủ tục đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND phường C vào ngày 06/02/2018 theo quy định của pháp luật.

- *Tại phiên tòa hôm nay*: Nguyên đơn chị L vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị giải quyết ly hôn với anh H và không yêu cầu giải quyết quan hệ gì khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Về phía nguyên đơn chị L chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS; Bị đơn anh H không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS.

- *Về việc giải quyết nội dung vụ án:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị Dương Thị L ly hôn anh Bạch Đức H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho các đương sự tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn tình cảm, đoàn tụ gia đình. Nhưng nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm giải về quyết ly hôn theo pháp luật, còn bị đơn anh H cũng đồng ý ly hôn nhưng không hợp tác đến Toà án làm việc. Vì vậy, Tòa án phải quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án về ly hôn, do chị Dương Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Bạch Đức H có địa chỉ: Tổ 5, phường C, TP. T, tỉnh Thái Nguyên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T. Bị đơn anh H vắng mặt tại phiên tòa và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh H là phù hợp.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H có đăng ký kết hôn theo luật định, do đó xác định là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng không ở cùng nhau mỗi người một nơi, dẫn đến mâu thuẫn ghen tuông vô cớ, hay cãi chửi nhau. Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng anh H không hợp tác nên không thỏa thuận được phải quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử thấy, về quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L được ly hôn với anh H là phù hợp.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 24; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Dương Thị L ly hôn anh Bạch Đức H.

2. Về nuôi con chung: Không có

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Dương Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003205 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. T, tỉnh Thái Nguyên.

5. Thông báo về quyền kháng cáo: Có mặt nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên bản án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND TP.T;
- CCTHADS TP.T;
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND phường C;
- Lưu HS, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sái Đức Trung